Chi tiết mã HS 3405.10.00

Mã HS	3405.10.00
Mô tả hàng hóa	Chất đánh bóng và các loại kem, dùng cho giày dép, đồ nội thất, sàn nhà, thân xe (coachwork), kính hoặc kim loại, các loại bột nhão và bột khô để cọ rửa và chế phẩm tương tự (có hoặc không ở dạng giấy, mền xơ, nỉ, tấm không dệt, plastic xốp hoặc cao su xốp, đã được thấm tẩm, tráng hoặc phủ bằng các chế phẩm trên), trừ các loại sáp thuộc nhóm 34.04 / - Chất đánh bóng, kem và các chế phẩm tương tự dùng cho giày dép hoặc da thuộc
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	13/11/2026 16:27:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/34051000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5107
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5107
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5107
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4988
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4949
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4949
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4949
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4949
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4949
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4949
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E4993
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4993
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4993
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4993

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4993
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4993
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E4991
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F4991
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4991
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4991
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4991
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4991
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4991
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4955
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F4951
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G4951
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H4951
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I4951
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J4951
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K4951
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4960
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4960
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4960
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4960
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4960
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4960
VCFTA	2022	2022	4	VC!D4998
VCFTA	2023	2023	2	VC!E4998
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4998
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4998

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4998
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4998
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4995
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4995
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4995
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4995
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4995
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4995
AHKFTA	2022	2022	20	AKH!D5003
AHKFTA	2023	2023	20	AKH!E5003
AHKFTA	2024	2024	20	AKH!F5003
AHKFTA	2025	2025	20	AKH!G5003
AHKFTA	2026	2026	20	AKH!H5003
AHKFTA	2027	2027	20	AKH!I5003
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D4974
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E4974
EVFTA	2024	2024	7,5	EV-NK!F4974
EVFTA	2025	2025	5	EV-NK!G4974
EVFTA	2026	2026	2,5	EV-NK!H4974
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4974
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D4976
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E4976
UKVFTA	2024	2024	7,5	UKV!F4976
UKVFTA	2025	2025	5	UKV!G4976
UKVFTA	2026	2026	2,5	UKV!H4976
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4976

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4974
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4974
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4974
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4974
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4974
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4974
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4974
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D4995
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E4995
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F4995
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G4995
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H4995
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I4995
RCEP B	2022	2022	18	B!D4995
RCEP B	2023	2023	16	B!E4995
RCEP B	2024	2024	14	B!F4995
RCEP B	2025	2025	12	B!G4995
RCEP B	2026	2026	10	B!H4995
RCEP B	2027	2027	8	B!I4995
RCEP C	2022	2022	18	C!D4995
RCEP C	2023	2023	16	C!E4995
RCEP C	2024	2024	14	C!F4995
RCEP C	2025	2025	12	C!G4995
RCEP C	2026	2026	10	C!H4995
RCEP C	2027	2027	8	C!I4995
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D4995

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E4995
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F4995
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G4995
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H4995
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I4995
RCEP E	2022	2022	18	E!D4998
RCEP E	2023	2023	16	E!E4998
RCEP E	2024	2024	14	E!F4998
RCEP E	2025	2025	12	E!G4998
RCEP E	2026	2026	10	E!H4998
RCEP E	2027	2027	8	E!I4998
RCEP F	2022	2022	18	F!D4995
RCEP F	2023	2023	16	F!E4995
RCEP F	2024	2024	14	F!F4995
RCEP F	2025	2025	12	F!G4995
RCEP F	2026	2026	10	F!H4995
RCEP F	2027	2027	8	F!I4995
VIFTA	2024	2024	17,1	VI!F4607
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G4607
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H4607
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I4607

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 20%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3405.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 3405.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5107), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.